

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỒNG THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: 03 /NQ-HĐND

Đồng Thuận, ngày 13 tháng 3 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê chuẩn tổng quyết toán
ngân sách nhà nước phường Đồng Thuận năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐỒNG THUẬN
KHÓA I - KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, Quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm.

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 14/8/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 sau sắp xếp đơn vị hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và các xã, phường, đặc khu;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 21/08/2025 của HĐND phường Đồng Thuận về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước phường Đồng Thuận năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 20/08/2025 của HĐND phường Đồng Thuận về kế hoạch đầu tư công năm 2025 của phường Đồng Thuận (nguồn vốn ngân sách phường quản lý);

Xét Tờ trình số 650/TTr- UBND ngày 11/03/2026 của UBND phường về việc đề nghị phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách nhà nước phường Đồng Thuận năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND phường và ý kiến thảo luận của các Đại biểu HĐND phường.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách nhà nước phường Đồng Thuận năm 2025 như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2025: 303,94 tỷ đồng.

Trong đó:

- Thu cân đối ngân sách trên địa bàn: 128,33 tỷ đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh: 151,56 tỷ đồng. Trong đó:
 - + Thu bổ sung cân đối: 94,92 tỷ đồng
 - + Thu bổ sung có mục tiêu: 56,64 tỷ đồng
- Thu chuyển nguồn: 23,46 tỷ đồng;
- Thu kết dư ngân sách năm trước: 0,59 tỷ đồng.

2. Tổng chi ngân sách phường năm 2025: 302,5 tỷ đồng.

Trong đó:

- Chi cân đối ngân sách địa phương: 226,15 tỷ đồng, trong đó:
 - + Chi đầu tư phát triển: 61,21 tỷ đồng.
 - + Chi thường xuyên: 164,39 tỷ đồng.
 - + Chi dự phòng: 0,55 tỷ đồng
- Chi chương trình mục tiêu quốc gia: 1,12 tỷ đồng
- Chi chuyển nguồn năm 2025 sang năm 2026: 75,23 tỷ đồng

3. Cân đối tổng quyết toán ngân sách nhà nước phường năm 2025

- Tổng thu ngân sách nhà nước: 303,94 tỷ đồng.
- Tổng chi ngân sách nhà nước: 302,5 tỷ đồng.
- Kết dư ngân sách nhà nước: 1,44 tỷ đồng.

(Có các phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân phường Đồng Thuận giao Ủy ban nhân dân phường chịu trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện Nghị quyết này. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân phường Đồng Thuận, hai Ban của Hội đồng nhân dân phường, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân phường trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.



Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường Đồng Thuận khóa I - kỳ họp thứ 5 thông qua ngày tháng 3 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh Quảng Trị;
 - UBND tỉnh Quảng Trị;
 - Sở Tài chính;
 - Ban Thường vụ Đảng ủy phường;
 - TT HĐND, UBND, UBMTTQVN phường;
 - Hai Ban HĐND phường;
 - Đại biểu HĐND phường;
 - Các phòng, ban, đơn vị phường;
 - Lưu VP HĐND-UBND phường.
- } (để b/c)

CHỦ TỊCH



Trần Thanh Sơn





QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 13/3/2026 của Hội đồng nhân dân phường Đồng Thuận)

Biểu mẫu số 48

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
				3=2-1	4=2/1
A	B	1	2		
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	202.428.000.000	303.943.046.222	101.515.046.222	150%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	69.388.000.000	128.329.499.766	58.941.499.766	185%
-	Thu NSDP hưởng 100%	13.363.000.000	36.468.060.731	23.105.060.731	273%
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	56.025.000.000	91.861.439.035	35.836.439.035	164%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	114.567.000.000	151.561.211.513	36.994.211.513	132%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	95.828.000.000	94.922.790.000	-905.210.000	99%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	18.739.000.000	56.638.421.513	37.899.421.513	302%
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính			0	
IV	Thu kết dư		591.228.906	591.228.906	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	18.473.000.000	23.461.106.037	4.988.106.037	127%
B	TỔNG CHI NSDP	202.428.000.000	302.500.050.592	100.072.050.592	149%
I	Tổng chi cân đối NSDP	201.060.000.000	226.151.937.985	25.091.937.985	112%
1	Chi đầu tư phát triển	69.615.000.000	61.209.922.979	-8.405.077.021	88%
2	Chi thường xuyên	128.125.000.000	164.387.354.006	36.262.354.006	128%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			0	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			0	
5	Dự phòng ngân sách	3.320.000.000	554.661.000	-2.765.339.000	17%
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			0	
II	Chi các chương trình mục tiêu	1.368.000.000	1.121.069.840	-246.930.160	82%
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	1.368.000.000	1.121.069.840	-246.930.160	82%



STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			0	
III	Chi chuyển nguồn		75.227.042.767		
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP/KẾT DƯ NSDP		1.442.995.630		
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP				
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc				
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh				
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP				
I	Vay để bù đắp bội chi				
II	Vay để trả nợ gốc				
G	TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NSDP				

Ghi chú: (1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài c





Biểu mẫu số 49

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 13/3/2026 của Hội đồng nhân dân phường Đồng Thuận)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3
	NGÂN SÁCH XÃ			
I	Nguồn thu ngân sách	202.428.000.000	303.943.046.222	150%
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	69.388.000.000	128.329.499.766	185%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	114.567.000.000	151.561.211.513	132%
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	95.828.000.000	94.922.790.000	99%
-	Thu bổ sung có mục tiêu	18.739.000.000	56.638.421.513	302%
3	Thu kết dư	0	591.228.906	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	18.473.000.000	23.461.106.037	127%
5	Các khoản thu để lại quản lý chi qua NSNN			
II	Chi ngân sách	202.428.000.000	302.500.050.592	
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã	202.428.000.000	227.273.007.825	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau		75.227.042.767	
III	Kết dư		1.442.995.630	

Ghi chú: (1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 Luật NSNN, ngân sách huyện không có thu từ quỹ dự trữ tài chính, chi trả nợ gốc và bội chi NSDP.



Biểu mẫu số 50

QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 13/3/2026 của Hội đồng nhân dân phường Đồng Thuận)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
		1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
A	B						
	TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D)	293.611.000.000	87.861.000.000	572.202.012.372	152.381.834.709	195%	173%
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN	293.611.000.000	69.388.000.000	572.202.012.372	128.329.499.766	195%	185%
I	Thu nội địa	293.611.000.000	63.597.000.000	572.202.012.372	128.329.499.766	195%	202%
1	Thu XNQD địa phương						
2	Thu DN có vốn ĐTNN						
3	Thuế CTN & DV NQD	1.752.000.000	1.226.000.000	47.410.610.763	4.659.862.023	2706%	380%
4	Lệ phí trước bạ	2.750.000.000	2.063.000.000	26.546.711.481	24.104.332.389	965%	1168%
5	Thuế sử dụng đất phi NN	3.110.000.000	2.644.000.000	2.639.822.677	2.118.781.889	85%	80%
6	Thu tiền thuê đất	2.150.000.000	1.183.000.000	18.819.914.230	6.485.248.688	875%	548%
7	Thuế thu nhập cá nhân	975.000.000	975.000.000	14.757.635.743	1.264.756.414	1514%	130%
8	Thu phí và lệ phí	357.000.000	357.000.000	2.718.255.510	990.461.455	761%	277%
	- Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản	0	0	1.743.436.510	531.962.955		
	- Phí tham quan	0	0				
9	Thu tiền sử dụng đất	282.210.000.000	54.842.000.000	443.107.188.109	85.376.190.347	157%	156%
10	Thu khác	277.000.000	277.000.000	3.007.590.651	1.183.890.541	1086%	427%
	Thu tiền phạt		0	1.856.624.442	552.395.946		
	Thu bán TS		0	6.011.000	6.011.000		
	Thu khác		0	1.144.955.209	625.483.595		



STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
	<i>Trong đó: Thu khác NSTW</i>	0	0				
11	Thu đóng góp			492.624.000	492.624.000		
12	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	0	0	3.478.698.889	1.481.360.520		
12	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	30.000.000	30.000.000	9.222.960.319	171.991.500	30743%	573%
14	Thu tiền cổ tức, lợi nhuận được chia và LNST NSDP được hưởng 100%	0	0				
II	Thu phân chia từ các khoản thu do tính quản lý	0	5.791.000.000				
	Thu tiền thuê đất		5.791.000.000				
	Thu phí tham quan						
	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt						
	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản						
II	Thu từ dầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu						
IV	Thu viện trợ						
B	THU TỪ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH						
C	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC				591.228.906		
D	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG		18.473.000.000		23.461.106.037		





Biểu mẫu số 51

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 13/3/2026 của Hội đồng nhân dân phường Đồng Thuận)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	202.428.000.000	302.500.050.592	149%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	201.060.000.000	226.151.937.985	112%
I	Chi đầu tư phát triển	69.615.000.000	61.209.922.979	88%
1	Chi đầu tư cho các dự án			
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	6.120.122.968	6.120.122.968	100%
-	Chi khoa học và công nghệ			
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	54.842.000.000	46.436.922.979	85%
-	Chi đầu tư từ nguồn chuyển nguồn năm trước	14.773.000.000	14.773.000.000	100%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
3	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	128.125.000.000	164.387.354.006	128%
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	82.126.000.000	89.931.005.996	110%
2	Chi khoa học và công nghệ	0	0	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
V	Dự phòng ngân sách	3.320.000.000	554.661.000	17%
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	1.368.000.000	1.121.069.840	82%
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	1.368.000.000	1.121.069.840	82%
	Chương trình Nông thôn mới	855.000.000	1.029.501.000	120%
	Chương trình giảm nghèo bền vững	513.000.000	91.568.840	18%
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia/ nguồn vốn)			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		75.227.042.767	

Ghi chú: (1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.



Biểu mẫu số 52

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 13/3/2026 của Hội đồng nhân dân phường Đồng Thuận)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	I	2	3=2-I	4=2/I
	TỔNG CHI NSDP	202.428.000.000	302.500.050.592	25.091.937.985	112%
A	CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (XÃ) THEO LĨNH VỰC	201.060.000.000	226.151.937.985	25.091.937.985	112%
I	Chi đầu tư phát triển	69.615.000.000	61.209.922.979	-8.405.077.021	88%
1	Chi đầu tư cho các dự án			0	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	6.507.000.000	6.120.122.968	-386.877.032	94%
-	Chi khoa học và công nghệ			0	
-	Chi quốc phòng			0	
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	160.000.000	160.040.000	40.000	100%
-	Chi y tế, dân số và gia đình	607.000.000	603.384.000	-3.616.000	99%
-	Chi văn hóa thông tin	13.067.000.000	12.382.809.250	-684.190.750	95%
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn			0	
-	Chi thể dục thể thao	800.000.000		-800.000.000	0%
-	Chi bảo vệ môi trường			0	
-	Chi các hoạt động kinh tế	40.365.000.000	34.288.003.761	-6.076.996.239	85%
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	7.906.000.000	7.452.359.000	-453.641.000	94%
-	Chi bảo đảm xã hội	203.000.000	203.204.000	204.000	100%
-	Chi đầu tư khác				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	128.125.000.000	164.387.354.006	36.262.354.006	128%
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	82.126.000.000	89.931.005.996	7.805.005.996	110%
-	Chi khoa học và công nghệ (2)			0	
-	Chi quốc phòng		746.502.118	-925.497.882	45%
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.672.000.000	671.773.560	671.773.560	
-	Chi y tế, dân số và gia đình	1.772.000.000	33.470.000	-1.738.530.000	2%
-	Chi văn hóa thông tin, thể thao	561.000.000	306.529.100	-254.470.900	55%
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn		65.000.000	65.000.000	
-	Chi bảo vệ môi trường	355.000.000		-355.000.000	0%
-	Chi các hoạt động kinh tế	821.000.000	1.523.567.093	702.567.093	186%
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	31.416.000.000	60.250.113.161	28.834.113.161	192%
-	Chi bảo đảm xã hội	9.203.000.000	10.859.392.978	1.656.392.978	118%
-	Chi thường xuyên khác	199.000.000		-199.000.000	0%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)				
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)				
V	Dự phòng ngân sách	3.320.000.000	554.661.000	-2.765.339.000	17%
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
B	Chi mục tiêu quốc gia	1.368.000.000	1.121.069.840		82%



STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	$3=2-1$	$4=2/1$
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		75.227.042.767		

Ghi chú: (1) Ngân sách xã không có nhiệm vụ chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp dưới.

(2) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.





QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 13/3/2026 của Hội đồng nhân dân phường Đồng Thuận)

ĐVT: Đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Quyết toán								Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
			Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kê chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kê chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi chương trình MTQG			
								Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	TỔNG SỐ	172.403.954.878	227.273.007.825	61.209.922.979	164.942.015.006	0	0	1.121.069.840	0	1.121.069.840	1.496.368.160
1	Trường THCS số 1 Bắc Lý	10.308.870.000	10.308.869.800		10.308.869.800						
2	Trường THCS số 2 Bắc Lý	6.577.498.000	6.577.010.984		6.577.010.984						
3	Trường THCS Lộc Ninh	8.885.287.000	8.844.920.000		8.844.920.000						
4	Trường TH-THCS Quang Phú	8.643.452.000	8.631.929.812		8.631.929.812						
5	Trường MN Bắc Lý	10.217.158.000	10.215.448.000		10.215.448.000						
6	Trường TH số 2 Bắc Lý	13.284.109.000	13.282.399.000		13.282.399.000						
7	Trường TH Lộc ninh	13.042.094.000	13.040.129.000		13.040.129.000						
8	Trường TH số 1 Bắc Lý	7.127.185.000	7.124.713.000		7.124.713.000						
9	Trường Mầm non Quang Phú	3.994.084.000	3.882.834.000		3.882.834.000						111.250.000
10	Trường Mầm non Lộc Ninh	8.036.500.000	8.022.752.400		8.022.752.400						
11	Văn phòng Đảng ủy	6.815.320.000	6.815.320.000		6.815.320.000						
12	Ủy ban mặt trận TQVN	6.130.968.000	6.126.756.000		6.126.756.000						
13	Trung tâm phục vụ hành chính công	2.103.322.000	2.102.322.000		2.102.322.000						
14	Văn phòng HĐND-UBND	22.613.445.785	49.787.192.064	27.222.199.815	22.564.992.249						
15	Phòng Văn hóa xã hội	16.494.149.000	16.069.443.753		16.069.443.753						
16	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	591.154.093	591.154.093		591.154.093						
17	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	5.986.359.000	4.189.750.289		3.948.181.449			241.568.840		241.568.840	1.385.118.160
18	Các xã cũ	21.553.000.000	51.660.063.630	33.987.723.164	16.792.839.466			879.501.000		879.501.000	
II	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY (2)										



Quyết toán																	
STT	Tên đơn vị	Dự toán	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)						Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)			Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
			Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên							
III	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH (2)																
IV	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH																
V	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG																
VI	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (3)																
VII	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU																75.227.042.767

Ghi chú: (1) Dự toán chi ngân sách địa phương chi tiết theo các chỉ tiêu tương ứng phần quyết toán chi ngân sách địa phương.
(2) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.
(3) Ngân sách xã không có nhiệm vụ chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.





Biểu mẫu số 60

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG ĐỒNG THUẬN NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /3/2026 của Hội đồng nhân dân phường Đồng Thuận)

ĐVT: Đồng

ST T	Tên đơn vị	Tổng thu NSDP	Trong đó				Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Thu từ kết dư năm trước
			Thu NSDP hưởng theo phân cấp	Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Số bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	4	5	6
A	B	1	2	3	4			
	TỔNG SỐ							
1	UBND phường Đồng Thuận	303.943.046.222	128.329.499.766	151.561.211.513			23.461.106.037	591.228.906



BÁO CÁO
QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /3/2026 của Hội đồng nhân dân phường Đồng Thuận)

ĐVT: Đồng

Số TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Dự toán			Thực hiện			So sánh (%)	
			Kế hoạch vốn đầu tư (gồm số chuyển nguồn năm trước)	Chia theo nguồn vốn		Tổng số vốn đã thanh toán KLHT được quyết toán trong năm quyết toán	Chia theo nguồn vốn		NS tính	NS phường
				NS tính	NS phường		NS tính	NS phường		
1	2	3	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=11/8	14=12/9
	TỔNG CỘNG (A+B)		71.686.222.627	0	71.136.742.000	61.209.922.979	0	61.209.922.979		86%
A	THỜI ĐIỂM TRƯỚC 30/6/2025		35.995.775.627	0	35.446.295.000	33.987.723.164	0	33.987.723.164		96%
1	Đường giao thông nông thôn KV Phú Xá - Hữu Cung	UBND P Đồng Thuận	627.812.000	0	627.812.000	627.812.000	0	627.812.000		100%
2	Mua sắm cơ sở vật chất các phòng học cho các trường THCS, trường Tiểu học và Trường Mầm non Lộc Ninh	UBND P Đồng Thuận	48.917.000		48.917.000	48.917.000		48.917.000		100%
3	Xây dựng Nhà văn hóa thôn 5 xã Lộc Ninh	UBND P Đồng Thuận	302.982.000		302.982.000	302.982.000		302.982.000		100%
4	Xây dựng nhà văn hóa thôn 1	UBND P Đồng Thuận	14.250.000		14.250.000	14.250.000		14.250.000		100%
5	Xây dựng NVH thôn 2	UBND P Đồng Thuận	214.021.000		214.021.000	214.021.000		214.021.000		100%
6	Xây dựng nhà văn hóa thôn 7 Phú Xá	UBND P Đồng Thuận	627.114.000		627.114.000	627.114.000		627.114.000		100%
7	Xây dựng nhà văn hóa thôn 11 Hữu Cung	UBND P Đồng Thuận	275.247.000		275.247.000	275.247.000		275.247.000		100%
8	Mua sắm thiết bị cho Trung tâm VH TT, kho lưu trữ, nhà trực quản sự và một số phòng làm việc trụ sở ủy ban	UBND P Đồng Thuận	348.558.000		348.558.000	348.558.000		348.558.000		100%
9	Kênh mương nội đồng HTX Lộc Đại, xã Lộc Ninh	UBND P Đồng Thuận	379.187.000		379.187.000	379.187.000		379.187.000		100%
10	Xây dựng kè, tràn hạ lưu dẫn nước hồ bầu Ninh xã Lộc Ninh	UBND P Đồng Thuận	456.731.000		456.731.000	456.731.000		456.731.000		100%



Số TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Dự toán			Thực hiện			So sánh (%)	
			Kế hoạch vốn đầu tư (gồm số chuyển nguồn năm trước)	Chia theo nguồn vốn		Tổng số vốn đã thanh toán KLHT được quyết toán trong năm quyết toán	Chia theo nguồn vốn		NS tính	NS phường
				NS tính	NS phường		NS tính	NS phường		
1	2	3	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=11/8	14=12/9
11	Xây dựng kẻ hạ lưu bầu Vèng và đường nội đồng HTX Hữu Cung (cầu ao)	UBND P Đồng Thuận	24.285.000		24.285.000	24.285.000		24.285.000		
12	Khắc phục, sửa chữa chống thấm cụm hồ chứa Bầu Nín, Bầu Vèng xã Lạc Ninh	UBND P Đồng Thuận	431.690.000		431.690.000	431.690.000		431.690.000		100%
13	Trụ sở UBND xã Quang Phú -	UBND P Đồng Thuận	455.698.000		455.698.000	455.698.000		455.698.000		100%
14	Nâng cấp tuyến thoát nước và rải thảm đường Đinh Công Tráng -	UBND P Đồng Thuận	581.017.000		581.017.000	581.017.000		581.017.000		100%
15	Xây dựng dây phòng học chức năng và phòng bộ môn trường tiểu học Quang Phú	UBND P Đồng Thuận	331.060.000		331.060.000	331.060.000		331.060.000		100%
16	Nâng cấp tuyến đường Tân Phú, Nam Phú xã Quang Phú	UBND P Đồng Thuận	627.295.000	0	627.295.000	627.295.000		627.295.000		100%
17	Nâng cấp tuyến điện chiếu sáng toàn xã	UBND P Đồng Thuận	134.956.000		134.956.000	134.956.000		134.956.000		100%
18	Xây dựng hệ thống thoát nước và rải thảm tuyến đường Phạm Thị Nghèng, xã Quang Phú	UBND P Đồng Thuận	400.000.000		400.000.000	400.000.000		400.000.000		100%
19	Sửa chữa cải tạo trạm y tế xã Quang Phú	UBND P Đồng Thuận	423.132.000		423.132.000	423.132.000		423.132.000		100%
20	Xây dựng nhà văn hóa thôn Tân Phú	UBND P Đồng Thuận	209.120.000		209.120.000	209.120.000		209.120.000		100%
21	Xây dựng vỉa hè, trồng cây xanh, điện chiếu sáng tuyến đường Nguyễn Hoàng xã Quang phú	UBND P Đồng Thuận	645.000.000		645.000.000	590.051.000		590.051.000		91%
22	Khuôn viên, hàng rào, nhà vệ sinh nhà văn hóa thôn Tân Phú	UBND P Đồng Thuận	11.400.000		11.400.000	11.400.000		11.400.000		100%
23	7743633 - Xây dựng bể tập bơi trường tiểu học Lạc Ninh	UBND xã Lạc Ninh (cũ)	47.082.000		47.082.000	47.082.000		47.082.000		100%

Số TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Dự toán			Thực hiện			So sánh (%)	
			Kế hoạch vốn đầu tư (gồm số chuyển nguồn năm trước)	Chia theo nguồn vốn		Tổng số vốn đã thanh toán KLHT được quyết toán trong năm quyết toán	Chia theo nguồn vốn		NS tính	NS phường
				NS tính	NS phường		NS tính	NS phường		
1	2	3	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=11/8	14=12/9
24	7808961 - Xây mới nhà lớp học bộ môn và phòng học chức năng trường THCS Quang Phú	UBND xã Quang Phú (cũ)	604.000.000		604.000.000	602.432.000		602.432.000		
25	7897571 - Sửa chữa các phòng học và nhà hiệu bộ trường TH Quang Phú	UBND xã Quang Phú (cũ)	33.000.000		33.000.000	32.318.000		32.318.000		100%
26	7904131 - Nâng cấp, sửa chữa khu sinh hoạt chung cho học sinh trường MN Lộc Ninh	UBND xã Lộc Ninh (cũ)	360.000.000		360.000.000	359.711.000		359.711.000		98%
27	7931490 - Sửa chữa nhà vệ sinh, thay mới hệ thống cửa dây phòng học trường mầm non Lộc Ninh	UBND xã Lộc Ninh (cũ)	310.000.000		310.000.000	309.611.000		309.611.000		100%
28	7962160 - Kè chắn chống sạt lở Trường tiểu học Quang Phú	UBND xã Quang Phú (cũ)	250.000.000		250.000.000	116.315.000		116.315.000		47%
29	8145956 - Nâng cấp, sửa chữa dây phòng học 2 tầng 8 phòng và mua sắm trang thiết bị trường Mầm Non Bắc Lý, phường Bắc Lý	UBND P Bắc Lý (cũ)	300.000.000		300.000.000	287.807.000		287.807.000		96%
30	8151227 - Sửa chữa bổ sung một số hạng mục và thiết bị trạm y tế xã Lộc Ninh	UBND xã Lộc Ninh (cũ)	95.000.000		95.000.000	94.874.000		94.874.000		100%
31	7932469 - Xây dựng sân bê tông, hàng rào, nhà vệ sinh, nhà văn hóa thôn Bắc Phú xã Quang Phú	UBND xã Quang Phú (cũ)	496.000.000		496.000.000	494.918.000		494.918.000		100%
32	7932470 - Xây dựng sân bê tông và hàng rào nhà văn hóa thôn Đông Phú xã Quang Phú	UBND xã Quang Phú (cũ)	421.000.000		421.000.000	419.513.000		419.513.000		100%
33	7937515 - Xây dựng Nhà văn hóa thôn 9 Hữu Cung	UBND xã Lộc Ninh (cũ)	701.000.000		701.000.000	700.860.000		700.860.000		100%
34	8058937 - Lắp đặt hệ thống màn hình LED cho trung tâm văn hóa xã	UBND P Bắc Lý (cũ)	111.000.000		111.000.000	107.179.000		107.179.000		97%
35	8135999 - Mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất nhà văn hóa TDP 8,9,13,14,15 phường Bắc Lý	UBND P Bắc Lý (cũ)	120.000.000		120.000.000	120.000.000		120.000.000		100%

Số TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Dự toán			Thực hiện			So sánh (%)	
			Kế hoạch vốn đầu tư (gồm số chuyển nguồn năm trước)	Chia theo nguồn vốn		Tổng số vốn đã thanh toán KLHT được quyết toán trong năm quyết toán	Chia theo nguồn vốn		NS tỉnh	NS phường
				NS tỉnh	NS phường		NS tỉnh	NS phường		
1	2	3	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=11/8	14=12/9
36	8136229 - Xây dựng khu dân cư kiểu mẫu và phường Văn Minh đô thị phường Bắc Lý (giai đoạn 3).	UBND Phường Bắc Lý (cũ)	300.000.000		300.000.000	300.000.000		300.000.000		100%
37	7875560 - Cải tạo nâng cấp hệ thống nước, mở rộng đường Đội Cấn	UBND xã Lộc Ninh (cũ)	317.000.000		317.000.000	315.707.000		315.707.000		100%
38	7891980 - Đường nội vùng Eo Bù xã Lộc Ninh	UBND xã Lộc Ninh (cũ)	241.000.000		241.000.000	240.761.000		240.761.000		100%
39	7898614 - Các tuyến đường nội vùng nghĩa trang nhân dân xã Quang Phú	UBND xã Quang Phú (cũ)	247.000.000		247.000.000	245.874.000		245.874.000		100%
40	7902491 - Mở rộng mặt đường và xây dựng hệ thống thoát nước tuyến từ nhà ông Bầm đến nhà ông Tám Xóa xã Quang Phú	UBND xã Quang Phú (cũ)	507.000.000		507.000.000	234.802.000		234.802.000		46%
41	7926933 - Xây dựng tuyến đường ra nghĩa trang nhân dân xã Lộc Ninh	UBND xã Lộc Ninh (cũ)	274.000.000		274.000.000	273.530.000		273.530.000		100%
42	7931489 - Hệ thống kênh mương tưới đồng ruộng Mưng HTXD VNN Lộc Đại	UBND xã Lộc Ninh (cũ)	331.000.000		331.000.000	330.916.000		330.916.000		100%
43	7932467 - Xây dựng các tuyến đường bê tông thôn Nam Phú và sửa chữa các tuyến đường bê tông ở các thôn	UBND xã Quang Phú (cũ)	189.000.000		189.000.000	187.691.000		187.691.000		99%
44	7934387 - Nâng cấp đường giao thông nội đồng đội 1-2 HTX dịch vụ nông nghiệp Lộc Đại	UBND xã Lộc Ninh (cũ)	319.000.000		319.000.000	318.182.000		318.182.000		100%
45	7942499 - Xây dựng hệ thống thoát nước rải thảm đường thôn Tân Phú (Tuyến nhà ông Xai và tuyến nhà ông Cầu)	UBND xã Quang Phú (cũ)	100.000.000		100.000.000	0		0		0%
46	7952798 - Sửa chữa lề đường và hệ thống thoát nước cụm 4 thôn 6 Lộc Đại	UBND xã Lộc Ninh (cũ)	401.000.000		401.000.000	400.694.000		400.694.000		100%
47	7952807 - Điện chiếu sáng khu vực Phú Xá - Hữu Cung	UBND xã Lộc Ninh (cũ)	563.000.000		563.000.000	562.976.000		562.976.000		100%
48	7953465 - Điện chiếu sáng đường Hồ Biểu Chánh	UBND xã Lộc Ninh (cũ)	289.000.000		289.000.000	286.523.000		286.523.000		99%

Số TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Dự toán			Thực hiện			So sánh (%)	
			Kế hoạch vốn đầu tư (gồm số chuyển nguồn năm trước)	Chia theo nguồn vốn		Tổng số vốn đã thanh toán KLHT được quyết toán trong năm quyết toán	Chia theo nguồn vốn		NS tính	NS phường
				NS tính	NS phường		NS tính	NS phường		
1	2	3	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=11/8	14=12/9
49	7957317 - Xây dựng vỉa hè, trồng cây xanh, điện chiếu sáng tuyến đường Nguyễn Hoàng, xã Quang Phú	UBND xã Quang Phú (cũ)	418.017.000		418.017.000	413.520.000		413.520.000		99%
50	8031126 - Nâng cấp sửa chữa tuyến đường đoạn Lê Mộ Khải - Quốc lộ 1A xã Lộc Ninh	UBND xã Lộc Ninh (cũ)	403.000.000		403.000.000	392.771.000		392.771.000		97%
51	8103081 - Nâng cấp, xây dựng mới hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn LED các TDP 1, 6, 7, 8, 11 phường Bắc Lý (giai đoạn 1)	UBND P Bắc Lý (cũ)	250.000.000		250.000.000	250.000.000		250.000.000		100%
52	8108839 - Nâng cấp tuyến đường giao thông và hệ thống thoát nước TDP 14, phường Bắc Lý	UBND P Bắc Lý (cũ)	300.000.000		300.000.000	235.906.000		235.906.000		79%
53	8108840 - Xây dựng các tuyến đường giao thông quy mô nhỏ TDP 6, phường Bắc Lý	UBND P Bắc Lý (cũ)	350.000.000		350.000.000	295.818.000		295.818.000		85%
54	8108842 - Xây dựng các tuyến đường giao thông quy mô nhỏ TDP 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 15 phường Bắc Lý	UBND P Bắc Lý (cũ)	805.000.000		805.000.000	730.324.000		730.324.000		91%
55	8120598 - Nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn LED tại TDP 15 phường Bắc Lý.	UBND P Bắc Lý (cũ)	330.000.000		330.000.000	294.272.000		294.272.000		89%
56	8120599 - Nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn LED tại TDP 1, 5, 6, 13 phường Bắc Lý.	UBND P Bắc Lý (cũ)	350.000.000		350.000.000	307.188.000		307.188.000		88%
57	8127865 - Cải tạo nâng cấp tuyến đường nhà mệ Nganh đến nhà ông Đanh	UBND P Bắc Lý (cũ)	83.000.000		83.000.000	69.850.164		69.850.164		84%
58	8134196 - Xây dựng các tuyến đường giao thông quy mô nhỏ TDP 1,3,6,7,9,12,13,14, phường Bắc Lý	UBND P Bắc Lý (cũ)	300.000.000		300.000.000	300.000.000		300.000.000		100%
59	8134807 - Nâng cấp, xây dựng mới hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn LED tại các TDP 4,6,7,8,9,15 phường Bắc Lý	UBND P Bắc Lý (cũ)	409.000.000		409.000.000	280.325.000		280.325.000		69%
60	8058937 - Lắp đặt hệ thống màn hình LED cho trung tâm văn hóa xã	UBND P Bắc Lý (cũ)	150.000.000		150.000.000	150.000.000		150.000.000		100%
61	8109744 - Cải tạo nhà vệ sinh và sửa chữa nâng cấp hệ thống thoát nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy tại chợ Bắc Lý	UBND P Bắc Lý (cũ)	400.000.000		400.000.000	347.556.000		347.556.000		87%

Số TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Dự toán			Thực hiện			So sánh (%)	
			Kế hoạch vốn đầu tư (gồm số chuyển nguồn năm trước)	Chia theo nguồn vốn		Tổng số vốn đã thanh toán KLHT được quyết toán trong năm quyết toán	Chia theo nguồn vốn		NS tính	NS phường
				NS tính	NS phường		NS tính	NS phường		
1	2	3	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=11/8	14=12/9
62	Nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn LED tại TDP 11, 12, 14 phường Bắc Lý.	UBND P Bắc Lý (cũ)	350.000.000		350.000.000	308.619.000		308.619.000		
63	Nâng cấp hệ thống sân, cổng, hàng rào nhà văn hóa TDP 1,5 phường Bắc Lý	UBND P Bắc Lý (cũ)	400.000.000		400.000.000	362.294.000		362.294.000		88%
64	8134810 - Nâng cấp khuôn viên trụ sở cơ quan và xây dựng nhà kho Ban chỉ huy quân sự, phường Bắc Lý	UBND P Bắc Lý (cũ)	800.000.000		800.000.000	189.400.000		189.400.000		91%
65	7932468 - Cải tạo Nghia trang liệt sỹ xã Quang Phú	UBND xã Quang Phú (cũ)	205.000.000		205.000.000	203.204.000		203.204.000		24%
66	8103081 - Nâng cấp, xây dựng mới hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn LED các TDP 1, 6, 7, 8, 11 phường Bắc Lý (giai đoạn 1)	UBND P Bắc Lý (cũ)	1.000.000.000		1.000.000.000	824.544.000		824.544.000		99%
67	8104495 - Xây dựng hệ thống thoát nước sân trường, nhà để xe và cải tạo hàng rào trường THCS số 2 Bắc Lý.	UBND P Bắc Lý (cũ)	400.000.000		400.000.000	332.087.000		332.087.000		82%
68	8108842 - Xây dựng các tuyến đường giao thông quy mô nhỏ TDP 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 15 phường Bắc Lý	UBND P Bắc Lý (cũ)	1.175.000.000		1.175.000.000	1.048.372.000		1.048.372.000		83%
69	8134196 - Xây dựng các tuyến đường giao thông quy mô nhỏ TDP 1,3,6,7,9,12,13,14, phường Bắc Lý	UBND P Bắc Lý (cũ)	850.000.000		850.000.000	829.933.000		829.933.000		89%
70	8134197 - Chính trang via hè đường Phan Đình Phùng đoạn từ Km4+700 - Km5+950 (Quốc lộ 9E), phường Bắc Lý	UBND P Bắc Lý (cũ)	2.800.000.000		2.250.519.373	2.671.294.000		2.671.294.000		98%
71	8134807 - Nâng cấp, xây dựng mới hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn LED tại các TDP 4,6,7,8,9,15 phường Bắc Lý	UBND P Bắc Lý (cũ)	2.590.462.627		2.590.462.627	2.590.462.000		2.590.462.000		119%
72	8134810 - Nâng cấp khuôn viên trụ sở cơ quan và xây dựng nhà kho Ban chỉ huy quân sự, phường Bắc Lý	UBND P Bắc Lý (cũ)	350.000.000		350.000.000	350.000.000		350.000.000		100%

Số TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Dự toán			Thực hiện			So sánh (%)	
			Kế hoạch vốn đầu tư (gồm số chuyển nguồn năm trước)	Chia theo nguồn vốn		Tổng số vốn đã thanh toán KLHT được quyết toán trong năm quyết toán	Chia theo nguồn vốn		NS tính	NS phường
				NS tính	NS phường		NS tính	NS phường		
1	2	3	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=11/8	14=12/9
73	8136229 - Xây dựng khu dân cư kiểu mẫu và phường văn minh đô thị phường Bắc Lý (giai đoạn 3).	UBND P Bắc Lý (cũ)	850.000.000		850.000.000	799.726.000		799.726.000		94%
74	8145956 - Nâng cấp, sửa chữa dây phòng học 2 tầng 8 phòng và mua sắm trang thiết bị trường Mầm Non Bắc Lý, phường Bắc Lý	UBND P Bắc Lý (cũ)	900.000.000		900.000.000	900.000.000		900.000.000		100%
75	8150194 - Nâng cấp, xây dựng mới hệ thống điện chiếu sáng bằng LED các TDP1 và TDP6 phường Bắc Lý	UBND P Bắc Lý (cũ)	1.130.000.000		1.130.000.000	1.129.414.000		1.129.414.000		100%
76	7896965 - Camera giám sát an ninh trật tự địa bàn xã Lộc Ninh	UBND xã Lộc Ninh (cũ)	161.000.000		161.000.000	160.040.000		160.040.000		99%
77	8104495 - Xây dựng hệ thống thoát nước sân trường, nhà để xe và cải tạo hàng rào trường THCS số 2 Bắc Lý.	UBND P Bắc Lý (cũ)				114.471.000		114.471.000		#DIV/0!
78	Cải tạo trường Mầm non Quang Phú	UBND xã Quang Phú (cũ)	84.840.000		84.840.000	79.902.000		79.902.000		94%
79	Xây dựng nhà văn hóa TDP 9 phường Bắc Lý.	UBND P Bắc Lý (cũ)	50.599.000		50.599.000	0		0		0%
80	Xây dựng nhà văn hoá Tổ dân phố 13 phường Bắc Lý	UBND P Bắc Lý (cũ)	40.627.000		40.627.000	0		0		0%
81	Xây dựng nhà văn hoá tổ dân phố 15 phường Bắc Lý	UBND P Bắc Lý (cũ)	28.907.000		28.907.000	0		0		0%
82	Xây dựng khu dân cư kiểu mẫu và phường văn minh đô thị phường Bắc Lý (giai đoạn 2)	UBND P Bắc Lý (cũ)	257.739.000		257.739.000	198.926.000		198.926.000		77%
83	Nâng cấp hệ thống sân, công, hàng rào nhà văn hóa TDP 9,15 phường Bắc Lý	UBND P Bắc Lý (cũ)	400.000.000		400.000.000	353.603.000		353.603.000		88%
84	Nâng cấp hệ thống sân, công, hàng rào nhà văn hóa TDP 1,5 phường Bắc Lý	UBND P Bắc Lý (cũ)	55.565.000		55.565.000	55.565.000		55.565.000		100%

Số TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Dự toán			Tổng số vốn đã thanh toán KLHT được quyết toán trong năm quyết toán	Thực hiện		So sánh (%)	
			Kế hoạch vốn đầu tư (gồm số chuyển nguồn năm trước)	Chia theo nguồn vốn			NS tính	NS phường	NS tính	NS phường
				NS tính	NS phường					
1	2	3	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=11/8	14=12/9
85	Nâng cấp hệ thống sân, cổng, hàng rào nhà văn hóa TDP 6,11 phường Bắc Lý	UBND P Bắc Lý (cũ)	485.390.000		485.390.000	441.820.000		441.820.000		91%
86	Nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn LED tại TDP 11, 12, 14 phường Bắc Lý.	UBND P Bắc Lý (cũ)	427.284.000		427.284.000	725.781.000		725.781.000		170%
87	Cải tạo nhà vệ sinh và sửa chữa nâng cấp hệ thống thoát nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy tại chợ Bắc Lý	UBND P Bắc Lý (cũ)	159.791.000		159.791.000	345.937.000		345.937.000		216%
B	THỜI ĐIỂM SAU 30/6/2025		35.690.447.000		35.690.447.000	27.222.199.815		27.222.199.815		76%
I	QUYẾT ĐỊNH SỐ 478/QĐ-UBND NGÀY 22/8/2025 (NGUỒN QUỸ ĐẤT)	UBND P Đồng Thuận	28.147.447.000	0	28.147.447.000	25.044.731.815	0	25.044.731.815		89%
1	Đường giao thông nông thôn KV Phú Xá - Hữu Cung	UBND P Đồng Thuận	2.000.000		2.000.000	0		0		0%
2	Mua sắm cơ sở vật chất các phòng học cho các trường THCS, trường Tiểu học và Trường Mầm non Lộc Ninh	UBND P Đồng Thuận	941.626.000		941.626.000	941.210.000		941.210.000		100%
3	Xây dựng Nhà văn hóa thôn 5 xã Lộc Ninh	UBND P Đồng Thuận	1.082.000.000		1.082.000.000	1.079.750.000		1.079.750.000		100%
4	Xây dựng nhà văn hóa thôn 1	UBND P Đồng Thuận	1.587.000.000		1.587.000.000	1.586.382.250		1.586.382.250		100%
5	Xây dựng NVH thôn 2	UBND P Đồng Thuận	1.399.979.000		1.399.979.000	1.388.529.000		1.388.529.000		99%
6	Xây dựng nhà văn hóa thôn 7 Phú Xá	UBND P Đồng Thuận	707.000.000		707.000.000	691.951.000		691.951.000		98%
7	Xây dựng nhà văn hóa thôn 11 Hữu Cung	UBND P Đồng Thuận	606.000.000		606.000.000	598.112.000		598.112.000		99%

Số TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Dự toán			Thực hiện			So sánh (%)	
			Kế hoạch vốn đầu tư (gồm số chuyển nguồn năm trước)	Chia theo nguồn vốn		Tổng số vốn đã thanh toán KLHT được quyết toán trong năm quyết toán	Chia theo nguồn vốn		NS tính	NS phường
				NS tính	NS phường		NS tính	NS phường		
1	2	3	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=11/8	14=12/9
8	Mua sắm thiết bị cho Trung tâm VHHT, kho lưu trữ, nhà trực quần sự và một số phòng làm việc trụ sở ủy ban	UBND P Đồng Thuận	445.024.000		445.024.000	444.564.000		444.564.000		100%
9	Kênh mương nội đồng HTX Lộc Đại, xã Lộc Ninh	UBND P Đồng Thuận	625.000.000		625.000.000	618.198.000		618.198.000		99%
10	Kênh mương nội đồng Hữu Cung - Phú Xá, xã Lộc Ninh	UBND P Đồng Thuận	416.000.000		416.000.000	408.754.000		408.754.000		98%
11	Xây dựng kè, tràn hạ lưu dẫn nước hồ bầu Ninh xã Lộc Ninh	UBND P Đồng Thuận	1.802.710.000		1.802.710.000	1.784.136.000		1.784.136.000		99%
12	Xây dựng kè hạ lưu bầu Vèng và đường nội đồng HTX Hữu Cung (cầu ao)	UBND P Đồng Thuận	424.000.000		424.000.000	407.127.097		407.127.097		96%
13	Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước khu vực Phú Xá, xã Lộc Ninh	UBND P Đồng Thuận	643.891.000		643.891.000	640.615.000		640.615.000		99%
14	Khắc phục, sửa chữa chống thấm cụm hồ chứa Bầu Nín, Bầu Vèng xã Lộc Ninh	UBND P Đồng Thuận	1.572.000.000		1.572.000.000	1.492.892.000		1.492.892.000		95%
15	Đường giao thông nội đồng HTX Phú Xá xã Lộc Ninh	UBND P Đồng Thuận	828.700.000		828.700.000	814.448.000		814.448.000		98%
16	XD hệ thống thoát nước mặt đường khu vực Lộc Đại	UBND P Đồng Thuận	1.492.517.000		1.492.517.000	773.080.000		773.080.000		52%
17	Kênh mương kè khu vực cầu Kiệt xã Lộc Ninh	UBND P Đồng Thuận	1.200.000.000		1.200.000.000	1.067.421.000		1.067.421.000		89%
18	Hệ thống thoát nước vùng Ó Ó	UBND P Đồng Thuận	800.000.000		800.000.000	719.410.500		719.410.500		90%
19	Trụ sở UBND xã Quang Phú -	UBND P Đồng Thuận	2.712.000.000		2.712.000.000	2.710.523.000		2.710.523.000		100%
20	Nâng cấp tuyến thoát nước và rải thảm đường Đình Công Tráng -	UBND P Đồng Thuận	4.000.000		4.000.000	0		0		0%

Số TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Dự toán			Thực hiện			So sánh (%)	
			Kế hoạch vốn đầu tư (gồm số chuyển nguồn năm trước)	Chia theo nguồn vốn		Tổng số vốn đã thanh toán KLHT được quyết toán trong năm quyết toán	Chia theo nguồn vốn		NS tính	NS phường
				NS tính	NS phường		NS tính	NS phường		
I	2	3	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=11/8	14=12/9
21	Xây dựng dãy phòng học chức năng và phòng bộ môn trường tiểu học Quang Phú	UBND P Đồng Thuận	1.620.000.000		1.620.000.000	1.617.199.968		1.617.199.968		100%
22	Nâng cấp tuyến đường Tân Phú, Nam Phú xã Quang Phú	UBND P Đồng Thuận	318.000.000		318.000.000	313.616.000		313.616.000		99%
23	Nâng cấp tuyến điện chiếu sáng toàn xã	UBND P Đồng Thuận	501.000.000		501.000.000	499.798.000		499.798.000		100%
24	Xây dựng hệ thống thoát nước và rải thảm tuyến đường Phạm Thị Nghèng, xã Quang Phú	UBND P Đồng Thuận	456.000.000		456.000.000	450.683.000		450.683.000		99%
25	Sửa chữa cải tạo trạm y tế xã Quang Phú	UBND P Đồng Thuận	89.000.000		89.000.000	85.378.000		85.378.000		96%
26	Xây dựng mới các tuyến đường trong khu đất thôn Tân Phú xã Quang Phú	UBND P Đồng Thuận	772.000.000		772.000.000	771.284.000		771.284.000		100%
27	Xây dựng nhà văn hóa thôn Tân Phú	UBND P Đồng Thuận	706.000.000		706.000.000	705.527.000		705.527.000		100%
28	Xây dựng vỉa hè, trồng cây xanh, điện chiếu sáng tuyến đường Nguyễn Hoàng xã Quang phú	UBND P Đồng Thuận	68.000.000		68.000.000	0		0		0%
29	Khuôn viên, hàng rào, nhà vệ sinh nhà văn hóa thôn Tân Phú	UBND P Đồng Thuận	326.000.000		326.000.000	324.020.000		324.020.000		99%
30	Sửa chữa, cải tạo trụ sở Đảng ủy và HĐND-UBND phường Đồng Thuận.	UBND P Đồng Thuận	2.000.000.000		2.000.000.000	1.976.909.000		1.976.909.000		99%
31	Khuôn viên, hàng rào, nhà xe Trụ sở Đảng ủy Phường.	UBND P Đồng Thuận	2.000.000.000		2.000.000.000	133.214.000		133.214.000		7%
II	QUYẾT ĐỊNH SỐ 1387/QĐ-UBND NGÀY 28/11/2025 (NGUỒN QUỸ ĐẤT)		7.543.000.000	0	7.543.000.000	2.177.468.000	0	2.177.468.000		29%
1	Xây dựng tuyến đường trước trụ sở Đảng ủy phường Đồng Thuận	UBND P Đồng Thuận	1.500.000.000		1.500.000.000	150.727.000		150.727.000		10%

Số TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Dự toán			Thực hiện			So sánh (%)	
			Kế hoạch vốn đầu tư (gồm số chuyển nguồn năm trước)	Chia theo nguồn vốn		Tổng số vốn đã thanh toán KLHT được quyết toán trong năm quyết toán	Chia theo nguồn vốn		NS tính	NS phường
				NS tính	NS phường		NS tính	NS phường		
1	2	3	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=11/8	14=12/9
2	Tuyến điện chiếu sáng bằng đèn LED tổ dân phố 2, tổ dân phố 4 Lộc Đại; tổ dân phố 9, tổ dân phố 10 Hữu Cung	UBND P Đồng Thuận	1.800.000.000		1.800.000.000	1.800.000.000		1.800.000.000		100%
3	Nâng cấp tuyến đường từ nói đường Trường Chinh đến đường Bùi Viện	UBND P Đồng Thuận	700.000.000		700.000.000	111.048.000		111.048.000		16%
4	Đường nối từ đường Nguyễn Hữu Hào đến trường mầm non Quang Phú	UBND P Đồng Thuận	1.000.000.000		1.000.000.000	115.693.000		115.693.000		12%
5	Cắm mới và sửa chữa biển tên đường đợt 1 trên địa bàn phường Đồng Thuận	UBND P Đồng Thuận	343.000.000		343.000.000	0		0		0%
6	Mua sắm, lắp đặt thiết bị truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông trên địa bàn phường Đồng Thuận	UBND P Đồng Thuận	400.000.000		400.000.000	0		0		0%
7	Sửa chữa hệ thống Camera an ninh trên địa bàn phường Đồng Thuận	UBND P Đồng Thuận	400.000.000		400.000.000	0		0		0%
8	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm phục vụ hành chính công cơ sở 2 và Ban chỉ huy quân sự phường Đồng Thuận	UBND P Đồng Thuận	500.000.000		500.000.000	0		0		0%
9	Nâng cấp cơ sở vật chất và mua sắm máy móc thiết bị cho Trung tâm phục vụ hành chính công phường Đồng Thuận	UBND P Đồng Thuận	900.000.000		900.000.000	0		0		0%